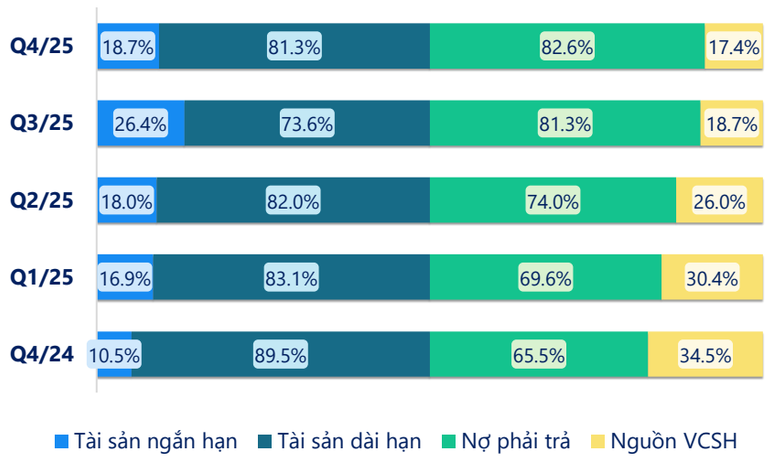
CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,600
SL cổ phiếu LH	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	825
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,032
P/E	-12.0
EPS	-2,175

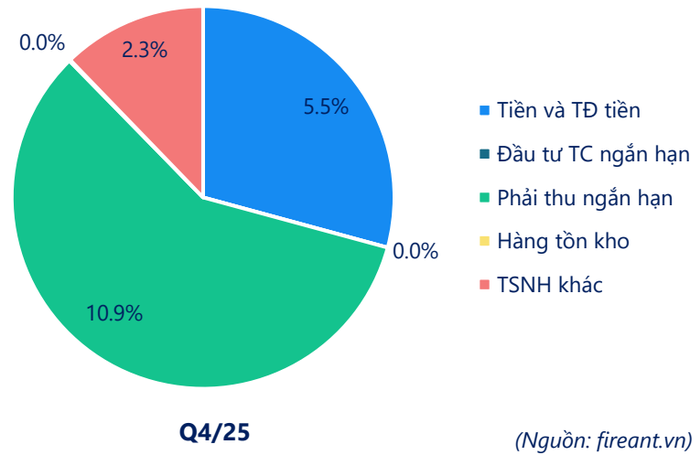
	YTD	1T	3T	6T
PAP	-5.8%	0.8%	0.0%	-3.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



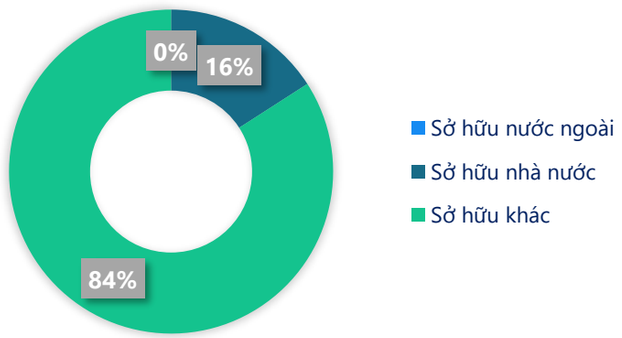
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



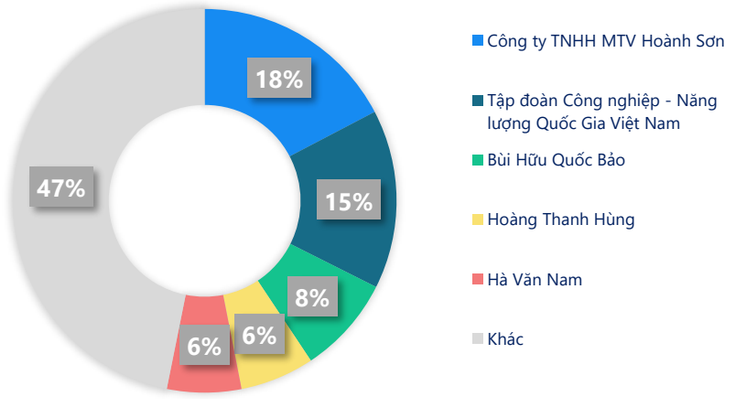
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



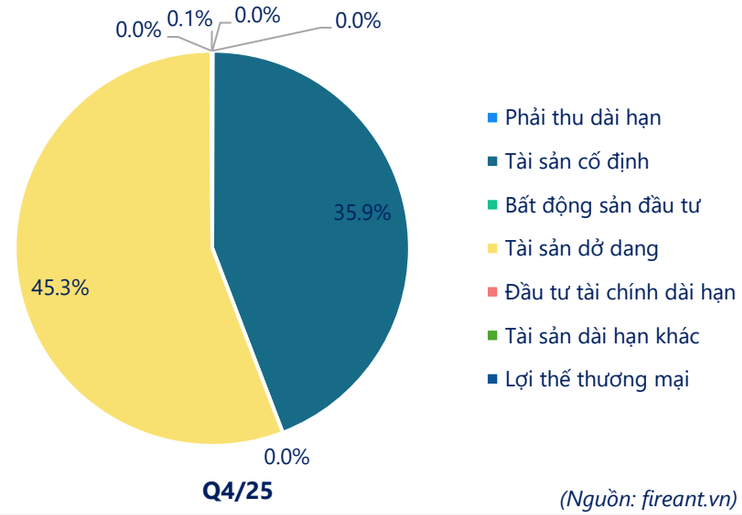
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

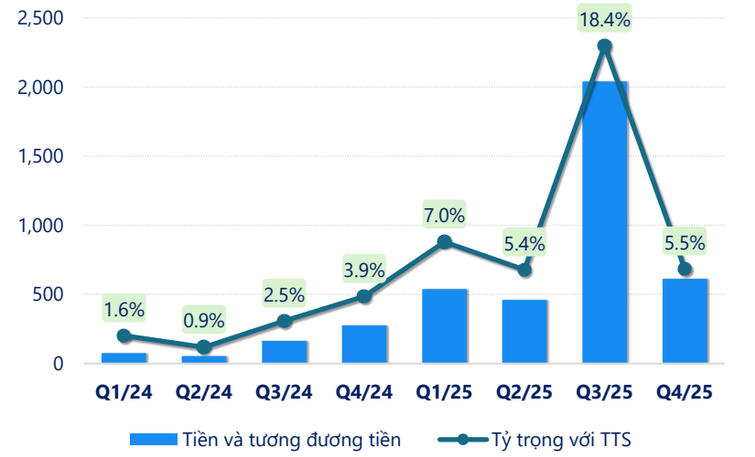


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

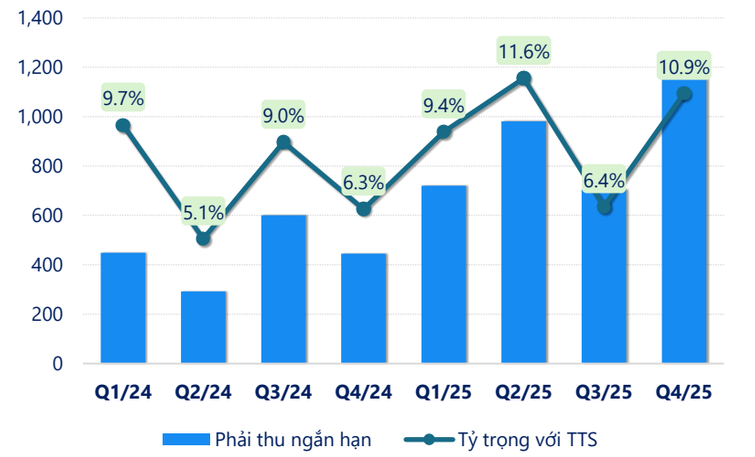
CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Tiền và tương đương tiền



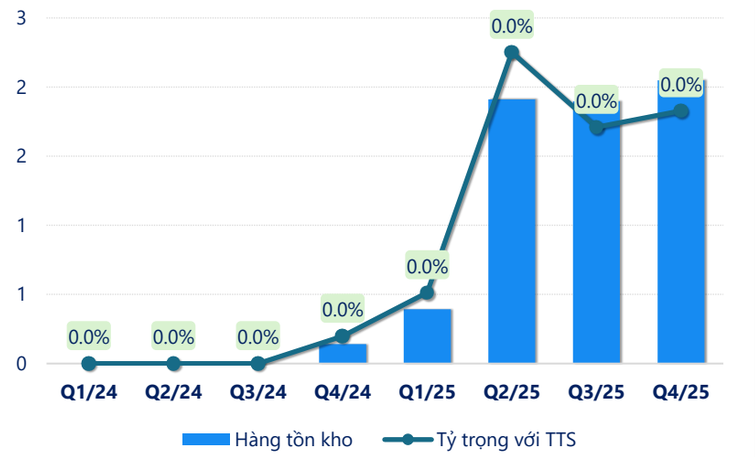
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



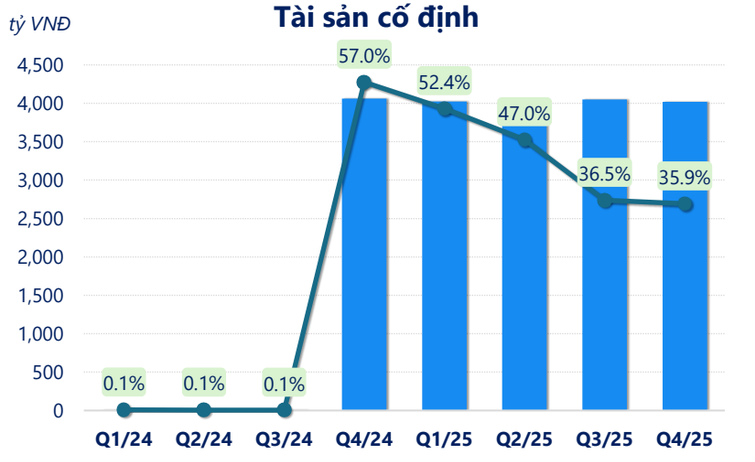
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



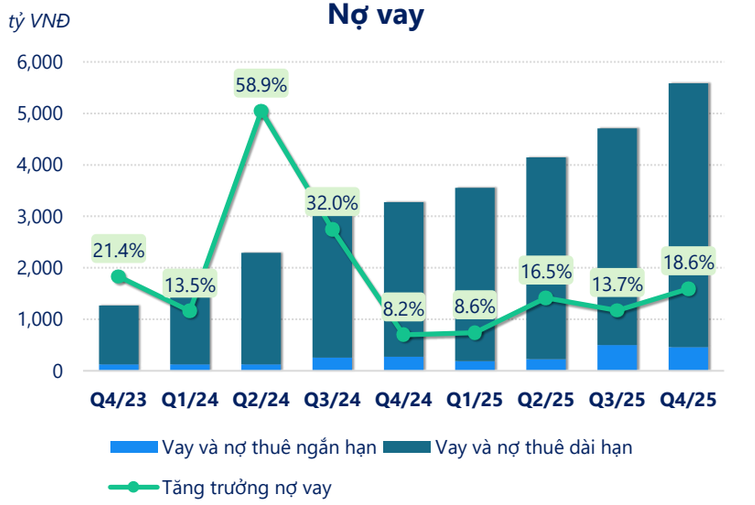
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



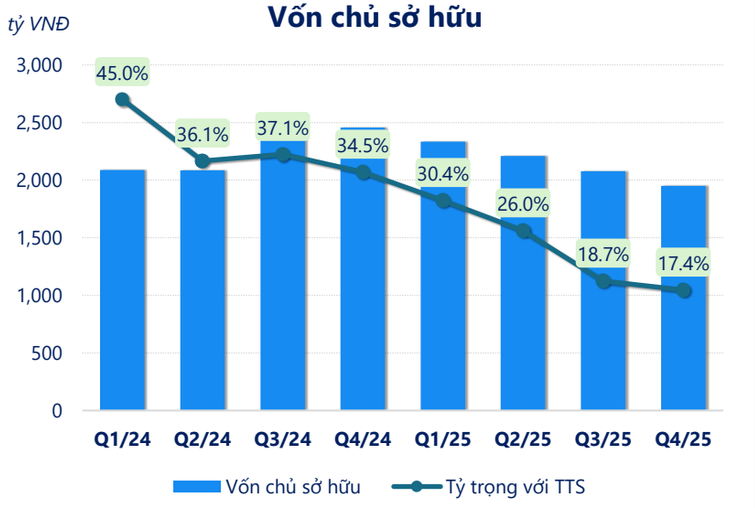
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

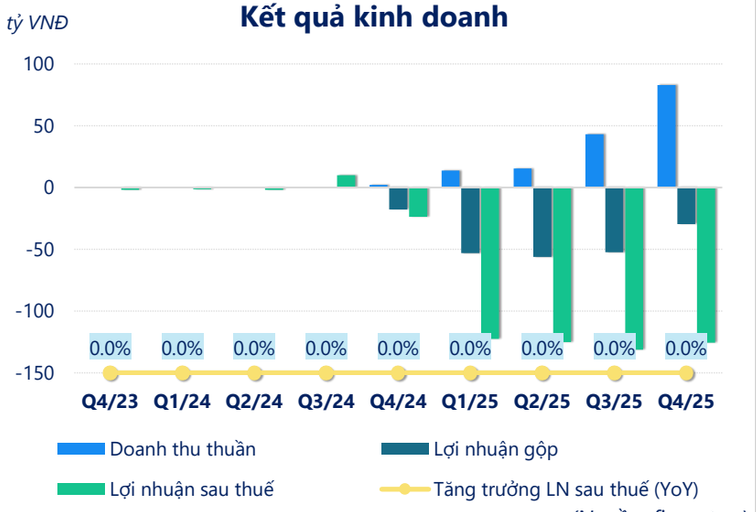


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

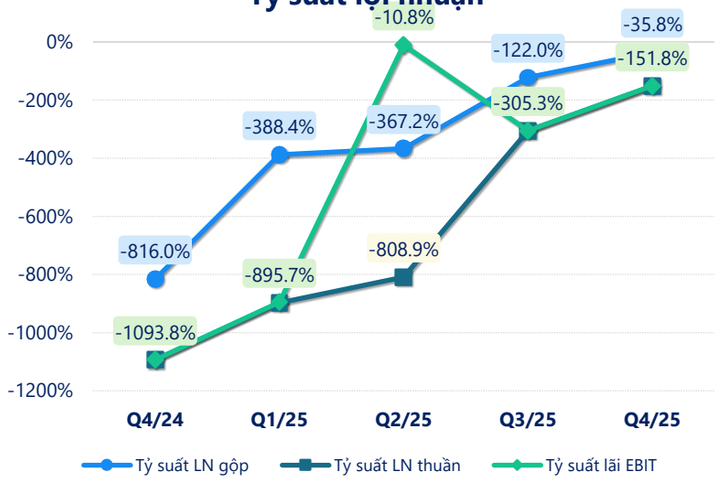
CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Kết quả kinh doanh



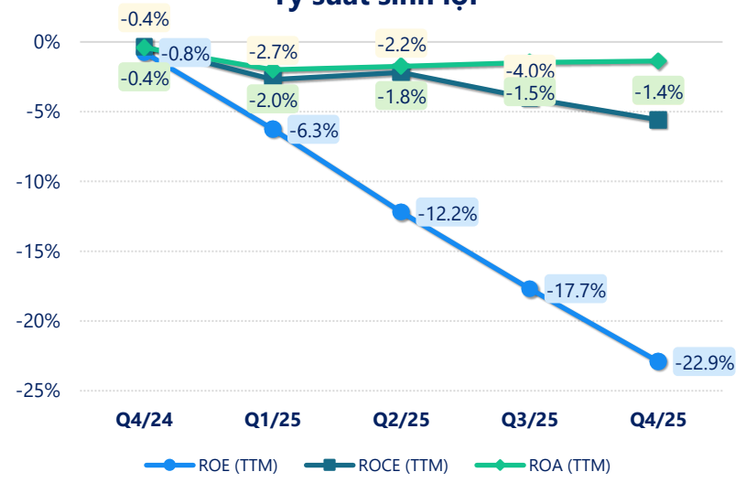
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



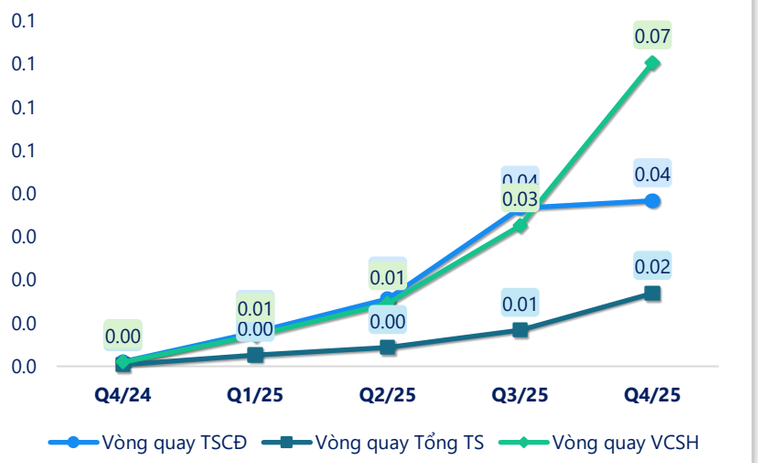
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



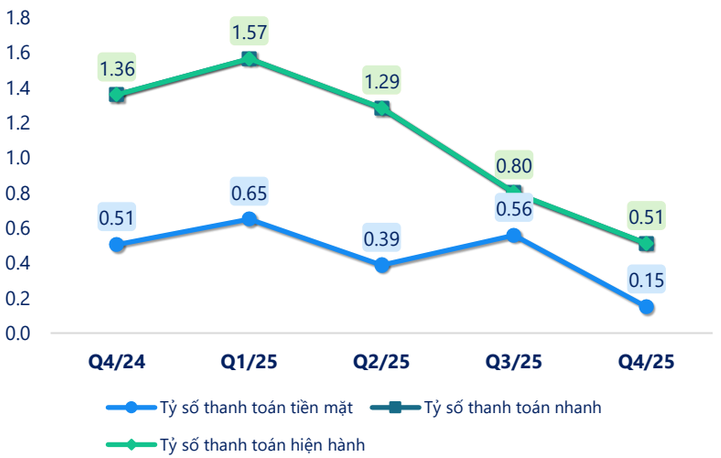
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



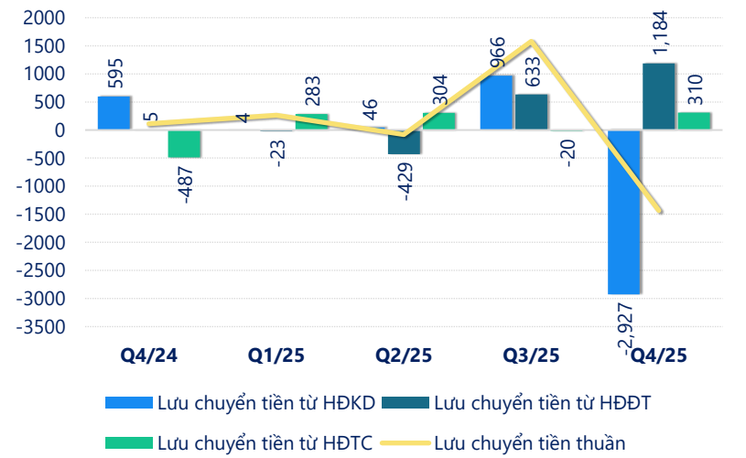
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,196**	**7,121**	**57.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,097	744	182%
Tiền và tương đương tiền	613	277	122%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,226	446	175%
Hàng tồn kho	2.05	0.14	1352%
Tài sản ngắn hạn khác	256	21.8	1077%
Tài sản dài hạn	**9,099**	**6,377**	**42.7%**
Phải thu dài hạn	4.06	3.88	4.6%
Tài sản cố định	4,017	4,059	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,071	2,309	120%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.81**	**4.16**	**63.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,245	4,665	98.2%
Nợ ngắn hạn	**4,102**	**547**	**649%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	461	273	68.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	782	12.4	6186%
Nợ dài hạn	5,143	4,118	24.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	5,126	3,000	70.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,951**	**2,456**	**-20.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,951**	**2,456**	**-20.6%**
Vốn điều lệ	2,320	2,320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2.18	13.7	15.3	43.0	82.8
Giá vốn hàng bán	19.9	66.8	71.5	95.5	112
Lợi nhuận gộp	-17.8	-53.2	-56.2	-52.5	-29.6
Doanh thu HĐTC	0	2.52	6.71	12.8	10.3
Chi phí TC	3.23	62.8	61.2	74.9	79.4
Chi phí lãi vay	0	0	123	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.45	1.93	2.81	3.82	12.6
Chi phí QLDN	2.36	7.44	10.3	12.9	14.1
LN thuần từ HĐKD	-23.8	-123	-124	-131	-126
Lợi nhuận khác	0.00	0.21	-1.33	-0.04	-0.16
LN trước thuế	-23.8	-123	-125	-131	-126
Lợi nhuận sau thuế	-23.8	-123	-125	-131	-126
LNST của CĐ cty mẹ	-23.8	-123	-125	-131	-126

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	595	3.65	45.9	966	-2,927
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.78	-23.4	-429	633	1,184
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-487	283	304	-19.8	310
Tiền đầu kỳ	164	277	540	461	2,040
Lưu chuyển tiền thuần	**112**	**263**	**-79.0**	**1,579**	**-1,433**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	277	540	461	2,040	607

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic